

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/08/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Số: 456 /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 10 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1628-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.694.018.392	68.484.140.092
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.461.535.508	22.670.330.301
111	1. Tiền		22.756.535.508	16.200.330.301
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.705.000.000	6.470.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.296.258.244	43.111.952.568
131	1. Phải thu của khách hàng		25.450.459.192	18.289.233.337
132	2. Trả trước cho người bán		18.837.417	672.553
135	5. Các khoản phải thu khác	4	28.826.961.635	24.822.046.678
140	IV. Hàng tồn kho	5	211.032.555	284.149.700
141	1. Hàng tồn kho		211.032.555	284.149.700
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.725.192.085	2.417.707.523
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		371.345.882	254.081.518
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		566.506.285	200.254.087
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	2.787.339.918	1.963.371.918
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		151.113.456.359	140.747.351.257
220	II. Tài sản cố định		131.151.973.569	122.747.935.381
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	121.867.330.258	90.985.477.149
222	- Nguyên giá		152.002.396.303	115.370.584.006
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.135.066.045)	(24.385.106.857)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	9.284.643.311	9.417.505.787
228	- Nguyên giá		9.882.524.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(597.881.142)	(465.018.666)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	22.344.952.445
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	18.099.415.876	17.999.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.757.473.876	8.657.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.736.380.000	7.736.380.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.862.066.914	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.862.066.914	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		237.807.474.751	209.231.491.349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		78.830.264.682	66.123.600.645
310	I. Nợ ngắn hạn		58.830.264.682	66.123.600.645
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	949.426.472	2.045.105.088
312	2. Phải trả người bán		10.636.958.113	17.802.305.694
313	3. Người mua trả tiền trước		11.297.255.958	8.988.502.985
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.586.721.036	2.307.363.574
315	5. Phải trả người lao động		2.545.980.000	2.023.981.604
316	6. Chi phí phải trả	13	1.861.722.696	74.562.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	29.126.940.192	31.785.519.485
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		825.260.215	1.096.260.215
330	II. Nợ dài hạn		20.000.000.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	20.000.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		158.977.210.069	143.107.890.704
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	158.977.210.069	143.107.890.704
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		87.044.800.000	87.044.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.120.654	33.636.120.654
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.369.763.914	9.369.763.914
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.926.525.501	13.057.206.136
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		237.807.474.751	209.231.491.349

CÔNG
H. NHIE
NG K'
A/
DANI

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		264.721,46	217.039,44



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

HỒ
S
TIỆM


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	237.838.141.339	199.484.802.322
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		237.838.141.339	199.484.802.322
11	4. Giá vốn hàng bán	18	213.737.333.384	172.466.864.067
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.100.807.955	27.017.938.255
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	20.831.702.228	11.078.876.123
22	7. Chi phí tài chính	20	2.040.118.258	803.245.361
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.894.517.226	192.285.320
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.878.360.712	10.439.254.411
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.014.031.213	26.854.314.606
31	11. Thu nhập khác		361.154.545	962.287.946
32	12. Chi phí khác		384.823.044	76.292.184
40	13. Lợi nhuận khác		(23.668.499)	885.995.762
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.990.362.714	27.740.310.368
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	4.064.323.349	5.431.377.570
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.926.039.365	22.308.932.798



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng





Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆNăm 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.990.362.714	27.740.310.368
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		6.428.727.342	4.686.779.870
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		25.719.903	10.075.115
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.086.088.311)	(7.471.180.022)
06	- Chi phí lãi vay		1.894.517.226	192.285.320
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.253.238.874	25.158.270.651
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.331.410.874)	(18.120.316.336)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		73.117.145	(284.149.700)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.846.135.155)	1.228.917.677
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.738.966.574)	(151.004.695)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(994.517.226)	(192.285.320)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.895.219.205)	(4.730.005.516)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		850.373.664	2.437.362.441
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(626.346.013)	(1.540.214.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.255.865.364)	3.806.574.602
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.261.844.233)	(20.059.900.035)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		345.454.545	768.999.182
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.929.347.765	6.829.028.580
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.912.958.077	(12.461.872.273)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.144.990.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		52.919.974.383	34.265.149.469
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(34.015.652.999)	(32.220.044.381)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.794.200.250)	(12.434.971.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.110.121.134	(6.244.876.412)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.767.213.847	(14.900.174.083)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		22.670.330.301	39.824.329.413
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.991.360	(2.253.825.029)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.461.535.508</u>	<u>22.670.330.301</u>

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/08/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.044.800.000 đồng; tương đương 8.704.480 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Hà Nội	TP Hà Nội	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Hải Phòng	TP Hải Phòng	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Đà Nẵng	TP Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải, kho vận
Chi nhánh Bình Định	TP Quy Nhơn	Kinh doanh vận tải, kho vận

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, hàng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán bao bì, chèn lót. Mua bán vỏ container

111
ONG
NHÌN
3 KIẾ
AA!
KIEM

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Vận tải đa phương thức quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

3.1
CY
HUU H
TOI
C
TP.V

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Tháng 8 năm 2013, Công ty đã hoàn thành nâng cấp đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng tại địa chỉ số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định tòa nhà văn phòng nói trên theo giá trị dự toán đầu tư là 30.603.513.980 đồng do chưa có Quyết toán đầu tư chính thức. Nguyên giá của tài sản cố định nói trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết toán đầu tư chính thức và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty tiếp tục trích khấu hao tài sản cố định nói trên trong thời gian sử dụng ước tính là 25 năm tính từ năm 2013 và không điều chỉnh hồi tố khấu hao các năm trước đó.

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm tài chính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài, không trích khấu hao đối với tài sản này;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam .

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2013
CÔNG
NHẬN
KIỂM
AS
TIỆM - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.305.672.700	2.186.259.032
Tiền gửi ngân hàng	21.450.862.808	14.014.071.269
Các khoản tương đương tiền (*)	5.705.000.000	6.470.000.000
	<u>28.461.535.508</u>	<u>22.670.330.301</u>

(*) - Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	12.704.359.122	17.714.366.678
Phải thu cước xuất phòng Sea	4.799.104.313	4.493.245.635
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	828.022.456	1.075.092.246
Phải thu cước phòng Logistic	7.398.121.989	-
Phải thu khác	3.097.353.755	1.539.342.119
	<u>28.826.961.635</u>	<u>24.822.046.678</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	211.032.555	284.149.700
	<u>211.032.555</u>	<u>284.149.700</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.229.021.000	1.448.168.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	558.318.918	515.203.918
	<u>2.787.339.918</u>	<u>1.963.371.918</u>

IG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

09, Đường Nguyễn Văn Thủ,
ng Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2013	86.800.204.854	-	27.278.501.334	1.291.877.818	115.370.584.006
Mua sắm	-	1.670.188.056	3.747.140.096	61.354.546	5.478.682.698
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành ⁽¹⁾	30.603.513.980	-	1.524.600.000	-	32.128.113.980
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(452.913.459)	-	(452.913.459)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	(12.572.272)	(509.498.650)	(522.070.922)
Tại ngày 31/12/2013	117.403.718.834	1.670.188.056	32.084.755.699	843.733.714	152.002.396.303
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2013	14.889.473.396	-	9.114.598.300	381.035.161	24.385.106.857
Trích khấu hao	3.001.192.352	39.766.380	3.006.929.099	247.977.035	6.295.864.866
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(264.199.460)	-	(264.199.460)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	(12.572.272)	(269.133.946)	(281.706.218)
Tại ngày 31/12/2013	17.890.665.748	39.766.380	11.844.755.667	359.878.250	30.135.066.045
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	71.910.731.458	-	18.163.903.034	910.842.657	90.985.477.149
Tại ngày 31/12/2013	99.513.053.086	1.630.421.676	20.240.000.032	483.855.464	121.867.330.258

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.919.759.990 đồng

(1) Tháng 8/2013, Công ty tạm tăng tài sản cố định là tòa nhà văn phòng tại địa chỉ số 209 đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh theo giá dự toán là 30.603.513.980 đồng. Nguyên giá của tài sản cố định này có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán đầu tư chính thức và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Công ty có cho thuê một phần diện tích từ tòa nhà nói trên nhưng diện tích cho thuê là rất nhỏ so với diện tích Công ty sử dụng nên Công ty không phân loại tài sản là bất động sản đầu tư đối với diện tích văn phòng cho thuê.

(2) Điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	9.882.524.453	9.882.524.453
Tại ngày 31/12/2013	9.882.524.453	9.882.524.453
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	465.018.666	465.018.666
Trích khấu hao	132.862.476	132.862.476
Tại ngày 31/12/2013	597.881.142	597.881.142
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	9.417.505.787	9.417.505.787
Tại ngày 31/12/2013	9.284.643.311	9.284.643.311

Trong đó:

- Giá trị quyền sử dụng đất thế chấp cho các khoản vay: 5.365.200.000 đồng.

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào công ty con	8.757.473.876	8.657.473.876
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	5.029.129.876	5.029.129.876
Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi	100.000.000	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	3.628.344.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	7.736.380.000	7.736.380.000
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)	4.350.780.000	4.350.780.000
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	3.385.600.000
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	18.099.415.876	17.999.415.876

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam ⁽³⁾	Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Tên cũ là Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi. Theo hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI với Công ty Freightworld Pte.Ltd và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000232 chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 306.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ. Năm 2013, Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi đổi tên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 đăng ký lần đầu ngày 31/8/2013 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải Cosfi là 1 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp với số vốn cam kết góp là 1 tỷ đồng. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2013 là 100 triệu đồng.

(3) Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam) ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(1) Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C). Vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	100.562.000	100.562.000
	1.605.562.000	1.605.562.000

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.031.345.716	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(169.278.802)	-
Tại ngày cuối năm	1.862.066.914	-

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.862.066.914	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch (1)	949.426.472	2.045.105.088
	949.426.472	2.045.105.088

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0906/13/TD/1.9 ngày 23/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, được quy định trên từng Giấy nhận nợ;
- + Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên Giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	381.170.233	131.844.167
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	797.605.856	1.628.501.712
Thuế Thu nhập cá nhân	407.944.947	540.400.302
Các loại thuế khác	-	6.617.393
	1.586.721.036	2.307.363.574

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	900.000.000	-
Chi phí phải trả khác	961.722.696	74.562.000
	1.861.722.696	74.562.000

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	304.712.058	553.828.232
Bảo hiểm xã hội	102.204.493	10.744.169
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.067.286.505	216.912.841
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	18.049.025.254	20.146.531.386
Phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	5.483.192.899	7.716.738.580
Phải trả của Chi nhánh Hải Phòng	1.632.383.428	1.590.913.826
Phải trả cước xuất phòng Air	739.332.994	-
Phải trả cước xuất phòng Sea	27.436.153	-
Phải trả, phải nộp khác	1.721.366.408	1.549.850.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	20.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành (*)	20.000.000.000	-
	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) - Trái phiếu chuyển đổi với kỳ hạn 1 năm, lãi suất 9%/năm. Theo đó:

- + Số lượng trái phiếu phát hành: 200.000 trái phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu;
- + Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ;
- + Đối tượng phát hành: Là các tổ chức, cá nhân có uy tín, có năng lực tài chính; Là các tổ chức, cá nhân có đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty; Có sự am hiểu về ngành hoạt động và am hiểu về Công ty, có nguyện vọng đóng góp cho sự phát triển lâu dài của Công ty;
- + Mục đích phát hành: Huy động vốn để bổ sung vốn lưu động, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty và mở rộng thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

60209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
hàng Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

6 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND				VND	VND	
Số dư đầu năm trước	82.899.810.000	33.636.120.654	2.794.128.014	-	7.264.374.396	7.394.023.874	133.988.456.938	
Tăng vốn	4.144.990.000	-	-	-	-	-	4.144.990.000	
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	22.308.932.798	22.308.932.798	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.105.389.518	(16.645.750.536)	(14.540.361.018)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.794.128.014)	-	-	-	(2.794.128.014)	
Số dư cuối năm trước	87.044.800.000	33.636.120.654	-	-	9.369.763.914	13.057.206.136	143.107.890.704	
Số dư đầu năm nay	87.044.800.000	33.636.120.654	-	-	9.369.763.914	13.057.206.136	143.107.890.704	
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	28.926.039.365	28.926.039.365	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(13.056.720.000)	(13.056.720.000)	
Số dư cuối năm nay	87.044.800.000	33.636.120.654	-	-	9.369.763.914	28.926.525.501	158.977.210.069	

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2012/NQ-HDDQT ngày 28/05/2013, về việc phân phối lợi nhuận năm 2012, Công ty công bố việc chia cổ tức như sau:
- Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ) số tiền: 13.056.720.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt nam	8,94%	7.780.340.000	13,54%	11.782.440.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	13,10%	11.399.990.000	13,10%	11.399.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,10%	4.443.400.000	4,53%	3.941.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	72,86%	63.421.070.000	68,84%	59.920.670.000
	100%	87.044.800.000	100%	87.044.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	87.044.800.000	87.044.800.000
- Vốn góp đầu năm	87.044.800.000	82.899.810.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	4.144.990.000
- Vốn góp cuối năm	87.044.800.000	87.044.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.056.720.000	12.434.971.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.056.720.000	12.434.971.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.704.480	8.704.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.704.480	8.704.480
- Cổ phiếu phổ thông	8.704.480	8.704.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.704.480	8.704.480
- Cổ phiếu phổ thông	8.704.480	8.704.480
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ dự phòng tài chính	9.369.763.914	9.369.763.914
	9.369.763.914	9.369.763.914

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	237.838.141.339	199.484.802.322
	237.838.141.339	199.484.802.322

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	213.737.333.384	172.466.864.067
	213.737.333.384	172.466.864.067

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.024.160.762	753.597.812
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.905.187.003	6.024.875.212
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.902.354.463	4.300.403.099
	20.831.702.228	11.078.876.123

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.894.517.226	192.285.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	119.881.129	600.884.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	25.719.903	10.075.115
	2.040.118.258	803.245.361

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.990.362.714	27.740.310.368
Các khoản điều chỉnh tăng	196.109.045	10.075.115
- Chi phí không hợp lệ	196.109.045	10.075.115
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.929.178.363)	(6.024.875.212)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.905.187.003)	(6.024.875.212)
- Thu nhập từ đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(23.991.360)	-
Tổng thu nhập tính thuế	16.257.293.396	21.725.510.271
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.064.323.349	5.431.377.570
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.064.323.349	5.431.377.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.628.501.712	927.129.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.895.219.205)	(4.730.005.516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	797.605.856	1.628.501.712

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.083.325.898	2.664.555.173
Chi phí nhân công	39.986.056.867	45.879.143.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.428.727.342	4.686.779.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.664.366.641	126.402.432.020
Chi phí khác bằng tiền	2.453.217.348	3.273.208.336
	223.615.694.096	182.906.118.478

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	28.461.535.508	-	22.670.330.301	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.277.420.827	-	43.111.280.015	-
Đầu tư dài hạn	1.605.562.000	-	1.605.562.000	-
	84.344.518.335	-	67.387.172.316	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	20.949.426.472	2.045.105.088
Phải trả người bán, phải trả khác	39.763.898.305	49.587.825.179
Chi phí phải trả	1.861.722.696	74.562.000
	62.575.047.473	51.707.492.267

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.461.535.508	-	-	28.461.535.508
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.277.420.827	-	-	54.277.420.827
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	82.738.956.335	1.605.562.000	-	84.344.518.335
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.670.330.301	-	-	22.670.330.301
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.111.280.015	-	-	43.111.280.015
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	65.781.610.316	1.605.562.000	-	67.387.172.316

TY
HỮU
M TC
SC
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	949.426.472	-	-	949.426.472
Trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	39.763.898.305	-	-	39.763.898.305
Chi phí phải trả	1.861.722.696	-	-	1.861.722.696
	42.575.047.473	20.000.000.000	-	62.575.047.473
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	2.045.105.088	-	-	2.045.105.088
Phải trả người bán, phải trả khác	49.587.825.179	-	-	49.587.825.179
Chi phí phải trả	74.562.000	-	-	74.562.000
	51.707.492.267	-	-	51.707.492.267

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

9, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Quận Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hàng tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.302.576.684	113.552.388.463	4.735.830.178	2.247.346.014	237.838.141.339	-	237.838.141.339
Chi phí bộ phận trực tiếp	109.284.290.566	100.707.383.190	2.756.126.266	989.533.362	213.737.333.384	-	213.737.333.384
Chi phí không phân bổ					9.878.360.712	(18.791.583.970)	(8.913.223.258)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.018.286.118	12.845.005.273	1.979.703.912	1.257.812.652	14.222.447.243	18.791.583.970	33.014.031.213
Tài sản bộ phận trực tiếp	105.547.033.302	102.172.672.292	4.261.226.306	2.022.126.975	214.003.058.875	-	214.003.058.875
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	23.804.415.876	-	23.804.415.876
Tổng tài sản	105.547.033.302	102.172.672.292	4.261.226.306	2.022.126.975	237.807.474.751	-	237.807.474.751
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.811.025.627	35.883.376.354	3.871.473.601	-	49.565.875.582	-	49.565.875.582
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	29.264.389.100	-	29.264.389.100
Tổng nợ phải trả	9.811.025.627	35.883.376.354	3.871.473.601	-	78.830.264.682	-	78.830.264.682

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi	Công ty con	100.000.000	-
Doanh thu			
Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi	Công ty con	81.696.654	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	1.704.545.250	1.686.363.540
Mua hàng			
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	274.336.233	70.254.512
Cổ tức được nhận			
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	Công ty con	2.457.372.428	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	1.291.779.485	1.152.960.312
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)	Công ty liên kết	13.156.035.090	4.781.914.900

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Phải thu			
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	Công ty con	776.152.775	-
Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi	Công ty con	89.866.320	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	165.000.000	196.000.000
Phải trả			
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	250.353.005	99.828.613
Phải trả khác			
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam	Công ty con	726.246.864	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.255.314.000	2.328.568.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2014

